

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/DS-ST**
Ngày: 03 - 4 - 2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lam và ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức A - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Địa chỉ: Số 37 V, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân H: Bà Lê Thị N, sinh năm 1981 - Cán bộ Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Văn bản ủy quyền số 1257/QĐ-BQB-TH ngày 11/7/2022) - có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thuý L, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

Ông T và bà L có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/7/2022, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình (Gọi tắt là Ngân hàng) do bà Lê Thị N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ đề nghị vay vốn để đóng mới tàu cá của bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T, ngày 09 tháng 08 năm 2017 Ngân hàng N Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã ký Hợp đồng tín dụng số: 313/2017/HĐTD, sau đó ký các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313A/2018/HĐSĐBS-TD ngày 30 tháng 07 năm 2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313B/2019/HĐSĐBS-HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 06 tháng 02 năm 2020. Theo đó, Ngân hàng cho ông T và bà L vay tổng số tiền là 5.500.000.000 đồng; Số tiền giải ngân thực tế: 5.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Bù đắp chi phí đóng mới tàu cá của gia đình; Thời hạn: 5 năm (60 tháng); Lãi suất: 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà L đã trả được số tiền: 2.182.783.726 đồng. Trong đó: Số tiền gốc đã trả: 1.120.500.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 1.062.283.726 đồng; Ngày trả nợ lãi gần nhất: 24/07/2020 trả lãi đến ngày 12/10/2019; Ngày trả nợ gốc gần nhất: 24/07/2020; Chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 10/8/2020. Dư nợ gốc đến 03/4/2023: 4.379.500.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Để bảo đảm cho khoản vay này, ngày 07/8/2017, ông T, bà L đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp tài sản số 313/2017/HĐTC, theo đó thế chấp tàu cá vỏ gỗ theo mẫu thiết kế ĐD-QB-72-17, số Giấy Chứng nhận đăng ký tàu cá 70345; số đăng ký QB-92969-TS do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 21/7/2017 với giá trị 7.750.000.000 đồng.

Ngày 31/7/2018, bà L tiếp tục ký kết với Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số: 1055/2018/HĐTD và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 1055A/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 03 năm 2020 để vay vốn kinh doanh mua bán hàng thủy sản với số tiền 1.000.000.000 đồng; Số tiền giải ngân thực tế: 1.000.000.000 đồng theo Tờ trình của bà Nguyễn Thuý L đề nghị giải ngân vào tài khoản số 3801205140449 của bà L mở tại Ngân hàng; Mục đích vay: Kinh doanh mua bán hàng thủy hải sản; Thời hạn: 12 tháng; Lãi suất: 9%/ năm; Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bà Nguyễn Thuý L đã trả được số tiền: 51.534.247 đồng tiền lãi đến ngày 31/12/2019; Chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 07/10/2020; Dư nợ gốc đến 03/4/2023: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn). Để bảo đảm cho khoản vay, ông T và bà L ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1055/2018/HĐTC ngày 30 tháng 07 năm 2018 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 1055/2018/VBTT ngày 30 tháng 07 năm 2018. Theo đó, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 57; tờ bản đồ số 03; diện tích: 135,9 m² tại thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 157406, sổ vào sổ cấp GCN: CH01106, do UBND huyện Bồ Trách cấp ngày 18 tháng 06 năm 2016, đứng tên Ông: Nguyễn Văn T - Bà: Nguyễn Thuý L.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, bên vay vốn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể với tổng dư nợ tính đến hết ngày 03/4/2023 là 7.780.023.557 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ bảy trăm tám mươi triệu không trăm hai mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 5.379.500.000 đồng; nợ lãi: 2.400.523.557 đồng (Lãi trong hạn: 1.843.761.096 đồng; Lãi quá hạn: 475.873.492 đồng; lãi chậm trả: 80.888.969 đồng); Buộc bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T tiếp tục trả lãi, phí phát sinh đối với số tiền chưa trả được theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ. Trường hợp bên vay vốn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo quyết định của Tòa án thì Ngân hàng sẽ được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 06/02/2023 và tại phiên tòa của bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T thống nhất trình bày:

Ông, bà thừa nhận những nội dung về quá trình vay, số vốn vay, việc giải ngân thực tế, mục đích vay và việc thế chấp tài sản bảo đảm như đại diện Ngân hàng N trình bày là đúng. Việc vay vốn của ông, bà là hoàn toàn nguyện, số vốn vay từ Ngân hàng ông bà đều được sử dụng theo đúng mục đích đã cam kết. Tuy nhiên, do quá trình đi biển và làm ăn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc mất khả năng thanh toán. Đồng thời, quá trình thu nợ, Ngân hàng đã tự ý thu hồi số tiền hỗ trợ về dầu của Nhà nước theo chính sách của Nghị định 67 nên cho vợ chồng ông bà không thể mua bảo hiểm cho tàu cá để tiếp tục đi biển, việc này càng làm mất đi khả năng trả nợ của vợ chồng. Với yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ của Ngân hàng, ông bà hoàn toàn đồng ý nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà được trả nợ làm nhiều lần theo các phân kỳ được tái cơ cấu, xem xét giảm một phần khoản tiền lãi cho ông bà.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông T bà L đề nghị Ngân hàng N nhận bàn giao ngay tàu cá để bán và

thu hồi một phần nợ. Riêng việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp số: 1055/2018/HĐTC ngày 30 tháng 07 năm 2018, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 1055/2018/VBTT ngày 30 tháng 07 năm 2018 đã ký kết, ông T, bà L không đồng ý.

Đối với yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thuý L và ông Nguyễn Văn T, ông bà không có ý kiến.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 157406, số vào sổ cấp GCN: CH01106, do UBND huyện Bồ Trách cấp ngày 18 tháng 06 năm 2016, đứng tên Ông: Nguyễn Văn T - Bà: Nguyễn Thuý L thể hiện: diện tích, kích thước và hình thể thửa đất, tài sản trên đất đúng như thông tin được thể hiện trên Giấy chứng nhận và Biên bản thẩm định tài sản khi cho vay. Các tài sản này hiện đang do ông T, bà L sử dụng, tại thời điểm thẩm định không phát hiện có tranh chấp với bên thứ ba.

Kết quả xác minh thông tin tàu cá có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70345; số đăng ký QB-92969-TS do Chi cục Thủy sản Quảng Bình cấp ngày 21 tháng 7 năm 2017; Chủ tàu: Nguyễn Văn T thể hiện: Tàu cá hiện vẫn hoạt động trên vùng biển Quảng Bình và Thừa Thiên Huế, trong đó xuất, nhập tại Cửa Gianh 01 lần trong năm 2021; xuất nhập tại Trạm kiểm soát Biên phòng Thuận An, tỉnh Thừa Thiên Huế 06 lần, lần gần nhất là vào ngày 23/8/2022. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thuý L thì hiện Tàu cá đang neo đậu tại Cảng biển Thuận An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 296, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số: 163/2006/NĐ - CP

ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số: 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số: 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng N theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng tín dụng đã ký kết số tiền tính đến hết ngày 03/4/2023 theo như Bảng kê tính của Ngân hàng. Đồng thời, tuyên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ:

3. Không chấp nhận yêu cầu Tòa án tuyên “nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật”.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng để nộp và Ngân sách Nhà nước.

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N được chấp nhận toàn bộ nên được hoàn trả số tiền 57.626.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002553 ngày 22/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.400.000 đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, trên cơ sở kết quả thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét các Hợp đồng tín dụng số: 313/2017/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313A/2018/HĐSĐBS-TD ngày 30 tháng 07 năm 2018, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313B/2019/HĐSĐBS-HĐTD ngày 07 tháng 08 năm 2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 06 tháng 02 năm 2020 đã ký kết giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L với Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình thấy rằng: việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái pháp luật; đại diện các bên đều có đủ năng lực và thẩm quyền để giao dịch dân sự; các bên thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định cụ thể về điều kiện cho vay. Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay được thẩm định, định giá và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật; Việc giải ngân vốn vay thực tế đã được thực hiện với tổng số tiền 5.500.000.000 đồng; quá trình thực hiện hợp đồng bên vay vốn đã sử dụng đúng mục đích vốn vay, không vi phạm nghĩa vụ dẫn đến thu hồi vốn trước hạn. Về hiệu lực của hợp đồng các bên đều thừa nhận là đúng và không có tranh chấp nên đây là vấn đề không phải chứng minh mà cần áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để công nhận hiệu lực của hợp đồng.

Xét việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thấy rằng, tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 313/2017/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2017, cả bên thỏa thuận thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên Bên A (Ngân hàng) giải ngân cho bên B (Bên vay vốn) đến ngày 09/8/2022; Kỳ hạn trả nợ gốc thực hiện theo Phụ lục kèm theo hoặc theo từng Giấy nhận nợ. Tại Điều 2 của Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313A/2018/HĐSĐBS-TD ngày 30 tháng 07 năm 2018, các bên thỏa thuận sửa đổi khoản 3 Điều 8 của hợp đồng số 313/2017/HĐTD, với nội dung: kỳ hạn trả nợ gốc được thực hiện theo Phụ lục Hợp đồng 313A/2018/HĐSĐBS-TD. Theo đó, đến ngày 09/8/2022, bên vay phải thanh toán hết số nợ gốc đã vay. Sau nhiều lần tái cơ cấu thời gian trả nợ (lần gần nhất là vào ngày 28/5/2020) nhưng ông T, bà L đã vi

phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/8/2020. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L phải có nghĩa vụ thanh toán ngay số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/4/2023) là 6.380.391.807 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ ba trăm tám mươi triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ bảy đồng). Trong đó, nợ gốc: 4.379.500.000 đồng; nợ lãi: 2.000.891.807 đồng (Lãi trong hạn: 1.554.774.796 đồng; Lãi quá hạn: 365.900.889 đồng; lãi chậm trả: 80.216.122 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng (có hiệu lực ngày 15/3/2017) nên hoàn toàn có cơ sở để được chấp nhận.

[2.2] Xét các Hợp đồng tín dụng số: 1055/2018/HĐTD ngày 31 tháng 07 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 1055A/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 03 năm 2020 đã được ký kết giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L với Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình thấy rằng: Hợp đồng có đủ điều kiện để được công nhận hiệu lực như đã phân tích ở mục [2.1]. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã nhận số tiền giải ngân thực tế: 1.000.000.000 đồng; chưa trả được tiền gốc đến hạn, chỉ trả được 51.534.247 đồng tiền lãi tính đến ngày 31/12/2019 nên số nợ đã chuyển quá hạn kể từ ngày 07/10/2020. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bên vay vốn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 1.399.631.750 đồng (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; nợ lãi: 399.631.750 đồng (Lãi trong hạn: 288.986.300 đồng; Lãi quá hạn: 109.972.603 đồng; lãi chậm trả: 672.847 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L về việc đề nghị Ngân hàng xem xét cho vợ chồng ông, bà được trả nợ làm nhiều lần theo các phân kỳ được tái cơ cấu và xem xét giảm một phần khoản tiền lãi thấy rằng: Theo các cam kết tại các Hợp đồng tín dụng thì việc bên vay vốn có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng được ấn định vào các ngày cụ thể theo các Phụ lục kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ. Hai bên đã nhiều lần ký các phụ lục hợp đồng để điều chỉnh tái cơ cấu lại thời gian trả nợ của bên vay vốn, cụ thể với hợp đồng vay vốn đóng tàu là Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 313/2017/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313A/2018/HĐSĐBS-TD ngày 30 tháng 07 năm 2018 ký ngày 29/5/2019; Phụ lục ký ngày 28/8/2019; Phụ lục ký ngày 25/11/2019; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ký ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 28/5/2020. Đối với Hợp đồng vay vốn kinh doanh hải sản là Hợp đồng tín dụng số: 1055A/2020/HĐSĐBS-HĐTD ký ngày 09 tháng 03 năm 2020. Quá trình thực hiện cam kết về tái cơ cấu thời gian trả nợ, ông T và bà L vẫn không thực hiện được cam kết trả nợ đã tái cơ cấu, dẫn đến phát sinh nợ

quá hạn. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc tái cơ cấu thời gian trả nợ cũng như việc miễn, giảm một phần lãi. Việc giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, yêu cầu này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 3 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số: 313/2017/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2017; Điều 3 của Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 313A/2018/HĐSĐBS-TD ngày 30 tháng 07 năm 2018 và khoản 3 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số: 1055/2018/HĐTD ngày 31 tháng 07 năm 2018 các bên cam kết thỏa thuận: Nghĩa vụ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng giá trị tài sản bảo đảm tại các Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận được lập trước, cùng thời điểm ký hợp đồng tín dụng ...hoặc sau thời điểm ký hợp đồng tín dụng mà được dẫn chiếu tại các hợp đồng hoặc phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng này. Tại các Hợp đồng thế chấp số 313/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1055/2018/HĐTC ngày 30 tháng 07 năm 2018, Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 1055/2018/VBTT ngày 30 tháng 07 năm 2018 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1055A/2018/HĐSĐBS-TS ngày 30 tháng 07 năm 2018 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L đã ký với Ngân hàng N chi nhánh Bắc Quảng Bình thể hiện, bên vay vốn đã tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình cho Ngân hàng gồm: 01 Tàu cá vỏ gỗ Mẫu thiết kế: ĐD-QB-72-17 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70345, số đăng ký QB-92969-TS, chủ sở hữu: Nguyễn Văn T; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số: 57, tờ bản đồ số: 03 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 157406 mang tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thúy L để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Các Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng các quy định tại các Điều 317 và Điều 318 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, trường hợp ông T và bà L không trả được số nợ gốc và lãi phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 3, Điều 5 của hợp đồng thế chấp số 313/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017; Điều 3, Điều 5 của thế chấp quyền sử dụng đất số: 1055/2018/HĐTC ngày 30 tháng 07 năm 2018 và Điều 1 của Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1055A/2018/HĐSĐBS-TS ngày 30 tháng 07 năm 2018, phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu Tòa án tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông

Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.6] Xét đề nghị của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L về việc bàn giao tàu cá vỏ gỗ là tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 313/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017 cho Ngân hàng xử lý nợ thấy rằng: Tại Mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng thế chấp tài sản số 313/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017, ông T, bà L đã thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản thế chấp thể hiện: Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì Bên A (Ngân hàng) có toàn quyền lựa chọn một trong các phương thức xử lý gồm, bán tài sản thế chấp; khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Trong trường hợp này, Ngân hàng đã lựa chọn Tòa án để xem xét và tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với thỏa thuận nói trên. Mặt khác, tại Mục 5.3 Điều 5 của Hợp đồng số 313/2017/HĐTC các bên thỏa thuận, khi Bên A (Ngân hàng) phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì việc lựa chọn tài sản nào để xử lý trước là do Bên A (Ngân hàng) toàn quyền quyết định. Trường hợp tài sản thế chấp gồm nhiều vật, thì Bên A (Ngân hàng) có toàn quyền lựa chọn tài sản cụ thể để xử lý, bảo đảm thu hồi đầy đủ nợ. Đồng thời, tại Điều 1 của Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1055A/2018/HĐSĐBS-TS ngày 30 tháng 07 năm 2018 các bên thỏa thuận về phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm như sau: Bên B (Bên vay vốn) tự nguyện, đồng ý dùng tài sản (nhà và đất) thế chấp tại Điều 1 của Hợp đồng này (1055/2018/HĐTC ngày 30 tháng 07 năm 2018) bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bên A (Ngân hàng), bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ sau: Nghĩa vụ trả nợ gốc: 4.500.000.000 đồng và nợ lãi, lãi quá hạn, các khoản phí phát sinh từ tất cả các Hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi bổ sung ký với Bên A (Ngân hàng) trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này. Xét các thỏa thuận này được xác lập hoàn toàn tự nguyện; hình thức và nội dung bảo đảm đúng quy định của pháp luật; các điều khoản ràng buộc về sử dụng một tài sản để đảm bảo nghĩa vụ cho nhiều khoản vay không trái với Điều 296 của Bộ luật dân sự và tài sản thế chấp có đủ điều kiện để đảm bảo cho nhiều khoản vay theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng không chấp nhận đề nghị nhận bàn giao Tàu cá để xử lý của bị đơn khi chưa có bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, vì vậy đề nghị của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L không có cơ sở để được chấp nhận.

[2.7] Xét ý kiến của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L về việc yêu cầu Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình hoàn trả số tiền hỗ trợ về dầu của Nhà nước theo Nghị định 67, tạo điều kiện cho ông, bà mua bảo hiểm tàu cá để tiếp tục đi biển, tạo thu nhập để trả nợ thấy rằng: Tại Điều 3 Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 313C/2020/HĐTDSĐBS-HĐTD ngày 06/02/2020, các bên thỏa thuận bổ sung thêm điểm n vào khoản 2 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 313/2017/HĐTD ngày 09/8/2017 với nội dung “Bên B cam kết và đồng ý chuyển toàn bộ số tiền hỗ trợ chi phí nhiên liệu các chuyến biển, các khoản thu nhập khác

(bao gồm tiền đầu, tiền bảo hiểm, tiền đền bù...) về tài khoản thanh toán của Bên B mở tại Bên A và Bên A được toàn quyền trích số tiền trong tài khoản để thu nợ gốc, lãi mà Bên B không có bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại nào”. Việc thỏa thuận này của ông T và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các cam kết hỗ trợ liên quan, không trái pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng không chấp nhận hoàn trả số tiền này với lý do việc trích thu của Ngân hàng là trên cơ sở thỏa thuận đúng pháp luật. Vì vậy, yêu cầu này của ông T, bà L không được chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định: Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định đối với nhà và đất là tài sản thế chấp và đã chi phí hết số tiền 1.400.000 đồng, Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã nộp đủ tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, cần buộc ông T và bà L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.400.000 đồng cho Ngân hàng N – Chi nhánh Quảng Bình.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông T, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn: Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình và bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 295, 296, 298, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng N theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/4/2023) là 7.780.023.557 đồng trong đó nợ gốc: 5.379.500.000 đồng, tiền lãi 2.400.523.557 đồng (lãi trong hạn: 1.843.761.096 đồng, lãi quá hạn: 475.873.492 đồng, lãi chậm trả 80.888.969 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, gồm các tài sản sau:

- 01 Tàu cá vỏ gỗ Mẫu thiết kế: ĐD-QB-72-17 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70345; số đăng ký QB-92969-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày ngày 21 tháng 7 năm 2017; Chủ tàu: Nguyễn Văn T; Nơi thường trú: Đức Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình; Cơ quan đăng ký: Chi cục Thủy sản Quảng Bình;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số: 57; tờ bản đồ số: 3; Diện tích: 135,9 m² tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 157406, số vào sổ cấp GCN: CH01106, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 18 tháng 06 năm 2016, đứng tên Ông: Nguyễn Văn T - Bà: Nguyễn Thúy L.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc tuyên “Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật”.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng sau khi được làm tròn số là: 115.780.000 (Một trăm mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền 57.626.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002553 ngày 22/7/2022.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thúy L phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm nghìn) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh Bắc Quảng Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/4/2023)

để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Quang Minh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 03 tháng 4 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Nguyễn Văn Lam

Tiến hành nghị án vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 27/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức Ấn - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Hùng - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Địa chỉ: Số 37 Hùng Vương, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thuý Lan, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn Thượng Đức, xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 295, 296, 298, 317, 318, 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam,

Buộc ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng tín dụng đã ký kết với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03/4/2023) là 7.780.023.557 đồng trong đó nợ gốc: 5.379.500.000 đồng, tiền lãi 2.400.523.557 đồng (lãi trong hạn: 1.843.761.096 đồng, lãi quá hạn: 475.873.492 đồng, lãi chậm trả 80.888.969 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho v

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, gồm các tài sản sau:

- 01 Tàu cá vỏ gỗ Mẫu thiết kế: ĐD-QB-72-17 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70345; số đăng ký QB-92969-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày ngày 21 tháng 7 năm 2017; Chủ tàu: Nguyễn Văn Toàn; Nơi thường trú: Đức Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình; Cơ quan đăng ký: Chi cục Thủy sản Quảng Bình;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số: 57; tờ bản đồ số: 3; Diện tích: 135,9 m² tại xã Đức Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 157406, số vào sổ cấp GCN: CH01106, do UBND huyện Bố Trạch cấp ngày 18 tháng 06 năm 2016, đứng tên Ông: Nguyễn Văn Toàn - Bà: Nguyễn Thúy Lan.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc tuyên “Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự được xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền 57.626.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu, sáu trăm*

hai mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành huyện Bô Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002553 ngày 22/7/2022.

- Buộc ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả cho ngân hàng sau khi được làm tròn số là: 115.780.000 (Một trăm mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thúy Lan phải có nghĩa vụ nộp số tiền 1.400.000 (Một triệu bốn trăm nghìn) đồng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/4/2023.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thịnh – Nguyễn Văn Lam

Lê Quang Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Thịnh – Nguyễn Văn Lam

Lê Quang Minh